

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 9 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lìl

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Hồng

Bà Hồ Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 3, xã L Tr, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Trần Bé M, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 3, xã L Tr, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: CC5, Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Việt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Địa chỉ: khu vực 5, phường Th A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Võ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2004 chị Võ Thị H và anh Trần Bé M tổ chức lễ cưới, đến ngày 23/11/2005 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Tr, huyện Long Mỹ, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế gia đình, từ đó dẫn đến tình cảm hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, chị H và anh M đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm với anh M nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Võ Thị H và anh Trần Bé M có 02 con chung, tên Trần Thị Cẩm T (giới tính: Nữ), sinh ngày 27/3/2005 và cháu Trần Gia B (giới tính: Nam), sinh ngày 29/10/2009.

Về tài sản chung: Có, nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh M có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ số tiền 12.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh Trần Bé M, con chung theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung chị H yêu cầu anh Trần Bé M phải đứng ra trả số tiền 12.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ.

Bị đơn Trần Bé M thừa nhận lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh M cũng đồng ý, con chung anh M đồng ý để chị H nuôi

dưỡng cháu Trần Thị Cẩm T, còn cháu Trần Gia B thì anh M yêu cầu được nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung anh M yêu cầu chia đôi số tiền 12.000.000 đồng và lãi suất phát sinh còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày: Vào ngày 18/6/2017 chị Võ Thị H và anh Trần Bé M có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ số tiền 12.000.000 đồng, mục đích vay để nâng cấp cây nước, xây mới hồ xí. Thời hạn là 05 năm, trong quá trình vay anh M, chị H vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng. Nay chị Võ Thị H và anh Trần Bé M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà Đẹp yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Võ Thị H và anh Trần Bé M có nghĩa vụ trả số tiền vay là 12.000.000 đồng và lãi xuất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Võ Thị H và bị đơn Trần Bé M. Về con chung giao cháu Trần Thị Cẩm Tiên và cháu Trần Gia Bảo cho chị Võ Thị H nuôi dưỡng. Chị H chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Về tài sản chung: Chị H và anh M tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

Về nợ chung: Yêu cầu Hội đồng xét xử chia đôi số nợ mà anh M và chị H còn nợ của Ngân hàng và lãi suất phát sinh.

Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”; căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Võ Thị H và bị đơn Trần Bé M cùng thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Võ Thị H và bị đơn Trần Bé M.

[3] Về con chung: Chị Võ Thị H và anh Trần Bé M có 02 con chung Trần Thị Cẩm T (giới tính: Nữ), sinh ngày 27/3/2005 và cháu Trần Gia B (giới tính: Nam), sinh ngày 29/10/2009. Khi ly hôn anh M và chị H cùng thống nhất để chị H nuôi dưỡng cháu Trần Thị Cẩm T, còn cháu Trần Gia B thì anh M và chị H đều yêu cầu được nuôi dưỡng.

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị H và anh M ly thân anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu Bảo, nhưng thời gian gần đây cháu Bảo lại về sống chung với chị H. Tại phiên tòa, anh M đồng ý để chị H được nuôi dưỡng cháu Bảo và cháu Trần Gia B cũng có nguyện vọng xin được sống chung với chị H. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Trần Gia B, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Gia B cho chị Võ Thị H nuôi dưỡng.

[3.2] Về cấp dưỡng: Chị Võ Thị H chưa yêu cầu anh Trần Bé M cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Anh Trần Bé M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Võ Thị H và anh Trần Bé M tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Võ Thị H và anh Trần Bé M cùng thống nhất còn nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ số tiền 12.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

[5.1] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu vợ chồng chị H và anh M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng đến hiện tại là 12.041.960 đồng (trong đó tiền vốn là 12.000.000 đồng và lãi suất là 41.960 đồng). Chị H yêu cầu anh M đứng ra trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng là

12.000.000 đồng và tiền lãi, còn anh M thì yêu cầu chia đôi số tiền còn nợ của Ngân hàng.

[5.2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian anh M và chị H chung sống vợ chồng anh chị đã vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 12.000.000 đồng, mục đích vay để chi tiêu, phục vụ nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống gia đình anh chị. Vì vậy, đây là khoản nợ chung mà anh chị còn nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ đến nay vẫn chưa trả nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng. Nay anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nhằm đảm bảo việc thu hồi nợ của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử buộc chị H và anh M có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng.

[5.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm vay tiền giữa chị H và anh M có mối quan hệ vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì anh Trần Bé M và chị Võ Thị H có trách nhiệm trả số tiền 12.041.960 đồng (trong đó tiền vốn là 12.000.000 đồng và lãi suất là 41.960 đồng) cho Ngân hàng. Vì vậy, mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng như sau:

Anh Trần Bé M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 6.020.980 đồng (*Sáu triệu, không trăm hai mươi nghìn, chín trăm tám mươi đồng*).

Chị Võ Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 6.020.980 đồng (*Sáu triệu, không trăm hai mươi nghìn, chín trăm tám mươi đồng*).

Anh Trần Bé M và chị Võ Thị H còn phải chịu lãi suất trên số tiền chưa trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ. Mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo phê duyệt ngày 15/6/2017 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.1] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng, chị H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000421 lập ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Phần tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000 đồng chị Võ Thị H được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[7.2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Võ Thị H phải chịu 5% án phí trên số tiền phải trả là 301.049 đồng (*Ba trăm lẻ một nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*).

Bị đơn anh Trần Bé M phải chịu 5% án phí trên số tiền phải trả là 301.049 đồng (*Ba trăm lẻ một nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 27, Điều 37, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Võ Thị H và bị đơn Trần Bé M.

2. Về con chung: Chị Võ Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Cẩm T (giới tính: Nữ), sinh ngày 27/3/2005 và cháu Trần Gia B (giới tính: Nam), sinh ngày 29/10/2009.

Chị Võ Thị H chưa yêu cầu anh Trần Bé M cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Anh Trần Bé M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Võ Thị H và anh Trần Bé M đều được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh M tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

4. Về nợ chung:

Buộc anh Trần Bé M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 6.020.980 đồng (*Sáu triệu, không trăm hai mươi nghìn, chín trăm tám mươi đồng*).

Buộc chị Võ Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 6.020.980 đồng (*Sáu triệu, không trăm hai mươi nghìn, chín trăm tám mươi đồng*).

Anh Trần Bé M và chị Võ Thị H còn phải chịu lãi suất trên số tiền chưa trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ. Mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo phê duyệt ngày 15/6/2017 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch thị xã Long Mỹ.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng, Chị H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000421 lập ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Phần tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000 đồng chị Võ Thị H được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Võ Thị H phải chịu nộp 301.049 đồng (*Ba trăm lẻ một nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*).

Bị đơn Trần Bé M phải chịu nộp 301.049 đồng (*Ba trăm lẻ một nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Lil